



yǎng mǔ
养母

noun · foster mother; adoptive mother

Example Sentences

Tā de yǎng mǔ duì tā fēi cháng hǎo.
她的养母对她非常好。

Her foster mother is very kind to her.

Suī rán yǎng mǔ bù shì qīn shēng mǔ qīn dàn tā gěi le hái zǐ quán bù de ài.
虽然养母不是亲生母亲，但她给了孩子全部的爱。

Although the adoptive mother is not the biological mother, she gave the child all her love.

Trace each character, then write the word on your own.

养	养	养	养	养	养	养	养	养	养	养
养										

母	母	母	母	母	母	母	母			
